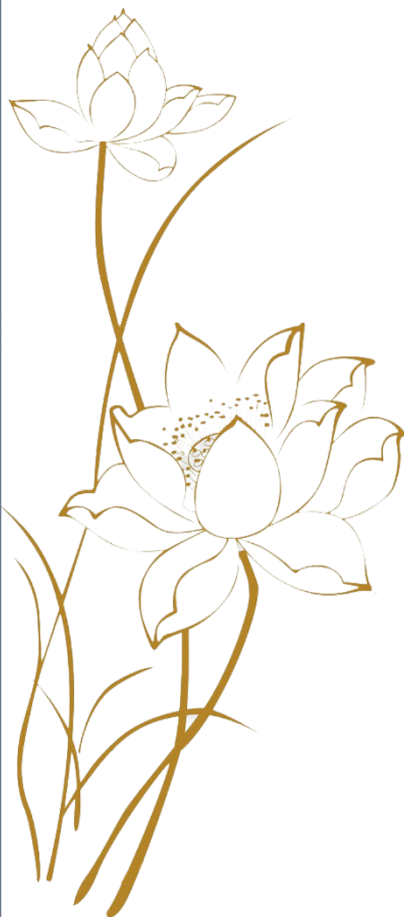


PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
---o0o---

KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG SỰ TỬ HỒNG



Ebook bởi Nguyên Ngôn Đoàn Thoại
nam84000.org



ĐẠI TẶNG KINH TIẾNG VIỆT

Số hiệu: DN 26

KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG SƯ TỬ HỒNG

(Cakkavati-Sihanàda sutta)

Việt dịch: Hòa thượng Thích Minh Châu

Ebook bởi *Nguyễn Ngôn Đoàn Thoại* | namo84000.org

Nguồn kinh văn: BudSas.org

---o0o---

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn an trú ở Magadha (Ma-kiệt-đà) tại Matulà (Ma-du-la). Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi chư Tỷ kheo: "Này các Tỷ kheo!". Các vị Tỷ kheo ấy Bạch Thế Tôn: "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Thế Tôn giảng như sau:

- Này các Tỷ kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác!

Này các Tỷ kheo, thế nào là một Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo sống quán thân trên tự thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để có thể diệt trừ tham ưu ở đời, trên các cảm thọ... trên các tâm... sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để có thể diệt trừ tham ưu ở đời. Này các Tỷ kheo, như vậy là Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này các Tỷ kheo, hãy đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Người truyền lại. Này các Tỷ kheo, nếu các Người đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Người truyền lại, thì Ma vương sẽ không có cơ hội để xâm nhập, không có cơ hội để nhắm vào đối tượng. Này các Tỷ kheo, chính nhờ nhiếp trì các thiện pháp làm nhân duyên mà công đức này được tăng thịnh.

2. Thuở xưa, này các Tỷ kheo, có Vua Chuyển luân Thánh vương tên là Dalhanemi (Kiên-cổ-niệm), là vị pháp vương, lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục bốn thiên hạ, thống trị các quốc độ và đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu

báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử, đồng kiện, hùng mạnh, nhiếp phục ngoại địch. Vị này trị vì quả đất này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị nước, không dùng trượng, không dùng kiếm.

3. Nay các Tỷ kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, vua Dalhanemi cho gọi một người và bảo:

- Nay khanh, khi nào khanh thấy Thiên luân báu có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ, thì báo cho Ta biết.

- Tâu Đại vương, xin vâng!

Nay các Tỷ kheo người ấy vâng theo lời dạy vua Dalhanemi.

Nay các Tỷ kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người ấy thấy Thiên luân báu lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ. Thấy vậy, người ấy liền đến vua Dalhanemi, khi đến xong, liền báo cho vua biết:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cõi trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ?

Nay các Tỷ kheo, vua Dalhanemi liền cho mời thái tử và nói rằng:

- Nay thái tử thân yêu, xe báu cõi trời của ta đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe nói như sau: "Nếu xe báu cõi Trời của Chuẩn luận Pháp vương lặn xuống và rời khỏi vị trí cũ, thời vua còn sống không bao lâu nữa". Ta đã thọ hưởng dục lạc loài Người một cách đầy đủ. Nay đã đến lúc tìm cầu dục lạc chư Thiên. Nay thái tử thân yêu, hãy trị vì trái đất này cho đến hải biên. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Nay các Tỷ kheo, vua Dalhanemi sau khi đã khéo đặt hoàng tử con đầu trên ngôi vương vị, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nay các Tỷ kheo, sau khi vị vua ả sĩ xuất gia bảy ngày, xe báu cõi Trời liền biến mất.

4. Nay các Tỷ kheo, một người khác đi đến vua Quán đảnh Sát đế ly, khi đến xong liền tâu vua Quán đảnh Sát đế ly:

- Tâu Đại vương, Ngài đã biết xe báu cõi Trời đã biến mất chưa?

Nay các Tỷ kheo, khi vua Quán đảnh Sát đế ly nghe tin xe báu cõi Trời đã biến mất, liền không được vui, cảm thấy sầu muộn. Rồi vua ấy đến chỗ vua ả sĩ ở, khi đến xong, thưa với vua ả sĩ:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cõi Trời đã biến mất?

Nay các Tỷ kheo, khi nghe nói vậy, vua ả sĩ nói với vua Quán đảnh Sát đế ly:

- Nay thái tử thân yêu, chớ có không vui vẻ, chớ có sầu muộn. Nay thái tử thân yêu, xe báu cõi Trời không phải là gia bảo tổ tiên để lại. Nay thái tử thân yêu, hãy hành trì Thánh vương Chánh pháp. Sự tình này sẽ xảy ra, khi con hành trì Thánh vương Chánh pháp vào ngày rằm bố-tát, con

gọi đầu trai giới, đi lên lầu cao, thì xe báu cõi Trời sẽ hiện ra đầy đủ ngàn tấc, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận.

5. - Tâu Đại vương, thế nào là Thánh vương Chánh pháp?

- Này thái tử thân yêu, con y cứ vào Pháp, kính trọng Pháp, cung kính Pháp, đành lễ Pháp, cúng dường Pháp, tôn trọng Pháp, tự con trở thành Pháp tràng, Pháp kỳ, xem Pháp là thầy, tự trở thành người bảo vệ hợp pháp cho thứ dân, cho quân đội, cho Sát đế ly, cho quần thần, cho Bà la môn, cho gia chủ, cho thị dân, thôn dân, cho Sa môn, Bà la môn, cho các loài thú và loài chim. Chớ có làm gì phi pháp trong quốc độ của con. Này con thân yêu, nếu trong quốc độ của con, có những Sa môn, Bà-la-môn từ bỏ dục vọng, không phóng dật, thực thành nhẫn nhục từ ái, nhiếp phục tự kỷ, an chỉ tự kỷ, giải thoát tự kỷ, thỉnh thoảng sẽ đến với con và hỏi con: "Này Tôn giả, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội, như thế nào nên thực hành, như thế nào không nên thực hành, hành động như thế nào đem lại bất lợi và đau khổ cho tôi lâu ngày, hành động như thế nào đem lại lợi ích và hạnh phúc cho tôi lâu ngày?" Con hãy nghe họ và ngăn chặn họ khỏi sự bất thiện và khuyến khích họ làm điều thiện. Này con thân yêu, như vậy là Thánh vương Chánh pháp.

- Thừa vâng, tâu Đại vương!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát đế ly trả lời vua ần sĩ và thực hành Thánh vương Chánh pháp. Khi thực hành Thánh vương Chánh pháp vào ngày rằm bố-tát, vua gọi đầu trai giới, đi lên lầu cao, thì xe báu cõi Trời hiện ra đầy đủ ngàn tấc, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận. Thấy vậy vua Quán đảnh Sát đế ly nghĩ rằng: "Ta được nghe nói như sau: "Quán đảnh vương Sát đế ly nào vào ngày rằm bố tát gọi đầu trai giới, đi lên lầu cao và Thiên bảo luân hiện ra đầy đủ ngàn tấc, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận, thì vị vua ấy là Chuyển luân Thánh vương." Như vậy ta là Chuyển luân Thánh vương".

6. Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát đế ly từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, tay trái cầm bình nước, tay mặt tưới nước trên bảo luân và nói: "Hãy lăn, này Thiên bảo luân, hãy nhiếp phục tất cả". Xe báu lăn về hướng đông, Chuyển luân Thánh vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng. Và này các Tỷ kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển luân Thánh vương an trú, cùng với bốn loại chủng binh. Này các Tỷ kheo, các vị vua chư hầu ở hướng đông đều đến yết kiến Chuyển luân Thánh vương và nói:

- Hãy đến đây, Đại vương! Thiện lai. Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

Chuyển luân Thánh vương bèn nói:

- Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng theo những gì đã có để thọ hưởng!

Này các Tỷ kheo, các vị vua thù nghịch ở hướng Đông đều trở thành chư hầu của Chuyển luân Thánh vương.

7. Này các Tỷ kheo, xe báu ấy chìm xuống biển hướng Đông, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Nam... trở thành chư hầu Chuyển luân Thánh vương. Này các Tỷ kheo, rồi xe báu chìm xuống biển hướng Tây, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Bắc, và Chuyển luân Thánh vương theo sau cùng với bốn lại binh chủng. Và này các Tỷ kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển luân Thánh vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ kheo, các vị vua chư hầu ở hướng Bắc đều đến yết kiến Chuyển luân Thánh vương và nói:

- Hãy đến đây, Đại vương! Thiệt lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

Chuyển luân Thánh vương bèn nói:

- Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng những gì đã có để thọ hưởng!

Này các Tỷ kheo, các vua thù nghịch ở hướng Bắc đều trở thành chư hầu Chuyển luân Thánh vương.

Này các Tỷ kheo, khi xe báu ấy chinh phục quả đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô, và đứng lại như là dính liền trước cửa điện công lý, trong nội cung Chuyển luân Thánh vương và chói sáng nội cung của vua.

8. Này các Tỷ kheo, lần thứ hai, Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ ba Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ tư Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ năm Chuyển luân Thánh vương... Này các Tỷ kheo, lần thứ sáu Chuyển luân Thánh vương.... Này các Tỷ kheo, lần thứ bảy, Chuyển luân Thánh vương sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi một người và bảo:

- Này Khanh, khi nào Khanh thấy xe báu cõi Trời có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ, thì báo cho ta biết.

- Tâu Đại vương, xin vâng!

Này các Tỷ kheo, người ấy vâng theo lời dạy Chuyển luân Thánh vương.

Này các Tỷ kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người ấy thấy xe báu cõi Trời lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ. Thấy vậy, người ấy liền đến Chuyển luân Thánh vương, khi đến xong liền báo cho vua biết:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cỡi Trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ?

Này các Tỷ kheo, Chuyển luân Thánh vương liền cho mời thái tử và nói rằng:

- Này thái tử thân yêu, xe báu cỡi Trời của Ta đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe như sau: "Nếu Thiên bảo luân của Chuyển luân Thánh vương có lặn xuống một ít, và rời khỏi vị trí cũ, thì vua còn sống không bao lâu nữa." Ta đã thọ hưởng dục lạc loài Người một cách đầy đủ. Nay đã đến lúc tìm cầu dục lạc chư Thiên. Này thái tử thân yêu, hãy trị vì trái đất này cho đến hải biên. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ kheo, Chuyển luân Thánh vương sau khi đã khéo đặt thái tử con đầu trên ngôi vương vị, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Tỷ kheo, sau khi Chuyển luân Thánh vương xuất gia bảy ngày, xe báu cỡi Trời ấy biến mất.

9. Này các Tỷ kheo, một người khác đi đến vua Quán đảnh Sát đế lý, khi đến nơi liền tâu với vua:

- Đại vương có biết chăng, xe báu cỡi Trời đã biến mất?

Này các Tỷ kheo, khi vua Quán đảnh Sát đế lý nghe tin xe báu cỡi Trời đã biến mất, liền không được vui vẻ và cảm thấy sầu muộn. Vua ấy không đến chỗ vua ần sĩ và hỏi về Thánh vương Chánh pháp. Vị ấy tự cai trị quốc gia theo ý của mình. Vì cai trị quốc gia theo ý của mình, nên quốc gia không được hưng thịnh như trong thời xưa, khi các vua chúa cai trị theo Thánh vương Chánh pháp.

Này các Tỷ kheo, rồi các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú tụ họp lại, cùng đến vua Quán đảnh Sát đế lý và nói:

- Tâu Đại vương, vì Đại vương cai trị quốc gia theo ý Đại vương, nên quốc gia không được hưng thịnh, như trong thời xưa, các vua chúa cai trị theo Thánh vương Chánh pháp. Nay có các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú, chúng tôi và một số các vị khác thọ trì Thánh vương Chánh pháp. Tâu Đại vương, nếu Đại vương hỏi chúng tôi về Thánh vương Chánh pháp, được hỏi, chúng tôi sẽ trả lời cho Đại vương rõ về pháp này.

10. Này các Tỷ kheo, rồi vua Quán đảnh Sát đế lý cho mời họp các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú và hỏi về Thánh vương Chánh pháp. Và những vị này được hỏi, đã trả lời về Thánh vương Chánh pháp. Khi nghe họ nói xong, vị vua có sắp đặt sự hộ trì, ngăn chặn, che chở, nhưng không cho người nghèo tiền của. Và vì vậy, nghèo đói được lan rộng. Vì nghèo đói được lan rộng, một người đã lấy vật không cho của

những người khác, và hành động ấy được gọi là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước vua Quán đánh Sát đế lý và tâu vua:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, hành động này được gọi là ăn trộm.

Này các Tỷ kheo, khi nghe vậy vua Quán đánh Sát đế lý nói với người ấy:

- Này Ngươi, có phải Ngươi lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm?

- Tâu Đại vương, sự thật có vậy.

- Sao lại làm vậy?

- Tâu Đại vương, con không có gì sống!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đánh Sát đế lý liền cho người ấy tiền của và nói:

- Này Ngươi, với tiền của này Ngươi hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con, tiến hành các công việc, thực hiện sự cúng dường với công đức tối thượng cho các vị Sa môn, mà kết quả là hưởng lạc thọ hiện tại và sanh Thiên giới trong tương lai...

Này các Tỷ kheo, người ấy vâng theo lời vua Quán đánh Sát đế lý và tâu:

- Thưa vâng, Đại vương!

11. Này các Tỷ kheo, rồi một người khác lấy của không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước mặt vua Quán đánh Sát đế lý và tâu vua:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ kheo, khi nghe vậy, vua Quán đánh Sát đế lý nói với người ấy:

- Này Ngươi, có phải Ngươi lấy của không cho của những người khác không, tức là ăn trộm?

- Tâu Đại vương, sự thật có vậy.

- Sao lại làm vậy?

- Tâu Đại vương, con không có gì để sống!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đánh Sát đế lý liền cho người ấy tiền của và nói:

- Này Ngươi, với tiền của này, Ngươi hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con, tiến hành các công việc, thực hiện sự cúng dường với công đức tối thắng cho các vị Sa môn, Bà la môn, mà kết quả là lạc thọ hiện tại và sanh thiên giới trong tương lai.

Này các Tỷ kheo, người ấy vâng theo lời vua Quán đánh Sát đế lý và tâu:

- Thưa vâng, Đại vương!

12. Này các Tỷ kheo, nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, vua cho những người ấy tiền của." Nghe vậy, họ nghĩ: "Chúng ta hãy lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm."

Này các Tỷ kheo, lại một người khác lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước vua Quán đảnh Sát đế lý và tâu vua:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ kheo, khi nghe nói vậy vua Quán đảnh Sát đế lý nói với người ấy:

- Này Ngươi, có phải Ngươi lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm?

- Tâu Đại vương, sự thật có vậy?

- Sao lại làm vậy?

- Tâu Đại vương, con không có gì để sống!

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát đế lý suy nghĩ: "Nếu ai lấy vật không cho của những người khác tức là ăn trộm và ta cho họ tiền của, thì lấy vật không cho như vậy tăng trưởng. Nay ta phải ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu nó!"

Này các Tỷ kheo, vua Quán đảnh Sát đế lý ra lệnh cho các người:

- Này các Khanh, hãy lấy dây thật chắc, cột tay ra đằng sau với gút thật chặt, cạo đầu nó, dắt nó đi với tiếng trống khe khẽ, từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt nó ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu nó.

- Tâu Đại vương, thưa vâng!

Này các Tỷ kheo, các người ấy vâng theo lệnh của vua Quán đảnh Sát đế lý, lấy dây thật chắc cột tay ra đằng sau với gút thật chặt, cạo đầu anh ta, dắt anh ta đi với tiếng trống khe khẽ, từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt anh ta ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu anh ta.

13. Này các Tỷ kheo, nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, vua ngăn chặn triệt để họ, hình phạt thích đáng và chém đầu họ."

Nghe vậy, những người ấy nghĩ: "Chúng ta hãy rèn kiếm cho thật bén, với những kiếm bén này, chúng ta sẽ lấy vật không cho của họ tức là ăn trộm, sẽ ngăn chặn triệt để chúng, hình phạt thích đáng chúng và chém đầu họ".

Những người ấy rèn kiếm bén, sau khi rèn kiếm bén xong, họ đi cướp làng, họ đi cướp thôn xóm, họ đi cướp thành, họ đi cướp đường, họ lấy vật không cho tức là ăn trộm, họ ngăn chặn triệt để những người mà họ ăn trộm, hình phạt thích đáng và chém đầu những người này.

14. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho người nghèo tiền của, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh; vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm được tăng thịnh; và đao kiếm được tăng thịnh, nên sát sanh tăng thịnh; vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh; vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu; vì tuổi thọ

giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên loài Người tuổi thọ đến tám vạn năm và con của họ thọ bốn vạn năm.

Này các Tỷ kheo, khi loài Người thọ bốn vạn năm, một người khác lấy vật không cho tức là ăn trộm. Người ta bắt người này lại, dẫn đến trước vua Quán đảnh Sát để lý và thưa:

- Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Này các Tỷ kheo, khi nghe nói vậy, vua Quán đảnh Sát để lý nói với người ấy:

- Này Người, có thật Người lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm không?

- Tâu Đại vương, không!

Người ấy cố ý nói không thật.

15. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh; vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm tăng thịnh; vì đao kiếm tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh; vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh, vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài Người giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu; vì tuổi thọ giảm và sắc đẹp giảm thiểu, nên loài Người tuổi thọ đến bốn vạn năm và con của họ thọ hai vạn năm.

Này các Tỷ kheo, khi loài Người tuổi thọ đến hai vạn năm, một người khác lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Một người khác báo với vua Quán đảnh Sát để lý về người ấy:

- Tâu Đại vương, người này đã lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm.

Như vậy người ấy đã bị nói xấu.

16. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... vì nói xấu được tăng nên tuổi thọ loài Người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên tuổi thọ loài Người chỉ có hai vạn năm và con của họ chỉ có một vạn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến một vạn năm, một số chúng sanh có sắc đẹp, một số không có sắc đẹp. Những chúng sanh không có sắc đẹp tham đắm những chúng sanh có sắc đẹp và có tà hạnh với vợ những người khác.

17. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... nên tà dâm tăng thịnh; vì tà dâm tăng thịnh nên tuổi thọ loài Người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu, và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài Người chỉ có một vạn năm và con của họ chỉ có năm ngàn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có năm ngàn năm, thì hai pháp hưng thịnh, tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm. Khi hai pháp này hưng thịnh, thời tuổi thọ các loài hữu tình giảm

thiếu, sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của chúng giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài Người chỉ có năm ngàn năm và con của họ một số người sống hai ngàn năm trăm năm, một số người sống hai ngàn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có hai ngàn năm trăm năm, tham và sân tăng thịnh. Vì tham và sân tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên tuổi thọ loài Người chỉ có hai ngàn năm trăm năm và các người con chỉ có một ngàn năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có một ngàn năm thì tà kiến tăng thịnh. Vì tà kiến tăng thịnh, nên tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, nên tuổi thọ loài Người chỉ có một ngàn năm, và người con chỉ có năm trăm năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có năm trăm năm, thì ba pháp tăng thịnh: phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Khi ba pháp này tăng thịnh, thời tuổi thọ của các loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu, tuổi thọ loài Người chỉ có năm trăm năm, còn những người con, một số sống đến hai trăm năm mươi năm, một số sống đến hai trăm năm.

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có hai trăm năm mươi năm, những pháp sau này tăng thịnh: Thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà la môn, thiếu sự kính trọng đối với các vị cầm đầu trong gia đình.

18. Này các Tỷ kheo, như vậy vì không cho tiền của những người nghèo, nghèo đói tăng thịnh; vì nghèo đói tăng thịnh, nên trộm cắp tăng thịnh; vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm tăng thịnh; vì đao kiếm tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh; vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh; vì nói láo tăng thịnh nên nói xấu tăng thịnh; vì nói xấu tăng thịnh nên tà hạnh tăng thịnh; vì tà hạnh tăng thịnh nên hai pháp tăng thịnh tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm; vì hai pháp này tăng thịnh nên tham, sân tăng thịnh; vì tham, sân tăng thịnh nên tà kiến tăng thịnh; vì tà kiến tăng thịnh nên ba pháp tăng thịnh: phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Vì ba pháp này tăng thịnh nên các pháp sau đây tăng thịnh: thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà la môn, thiếu sự kính trọng đối với các vị cầm đầu trong gia đình. Vì những pháp này tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình này giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên loài Người chỉ sống có hai trăm năm mươi năm, và những người con chỉ có một trăm năm.

19. Này các Tỷ kheo, một thời sẽ đến khi những người con của loài Người chỉ sống đến mười tuổi. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ mười tuổi, con gái đến năm tuổi sẽ lập gia

đình. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loại sau này sẽ biến mất, tức là tô, lạc, dầu, đường cát và muối. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, loại hột Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Này các Tỷ kheo, như hiện nay cháo thịt là những món ăn tối thượng, cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, loại hột Kudrusa trở thành món ăn tối thượng. Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tới đa. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện? Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự hiếu kính đối với Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với người cầm đầu trong gia đình, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán dương. Này các Tỷ kheo, như hiện nay những ai hiếu kính với cha mẹ, kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính đối với những người cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ, thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa môn, Bà-la-môn, thiếu sự cung kính đối với các vị cầm đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái tán dương.

20. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào thông dâm như dê, gà, heo, chó và chó rừng. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Mẹ đối với con, con đối với mẹ, cha đối với con, con đối với cha, anh đối với em, em đối với anh, em đối với chị, chị đối với em, hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Này các Tỷ kheo, như người thợ săn khi thấy loài thú, hại tâm rất mãnh liệt khởi lên, sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt khởi lên. Cũng vậy này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt.

21. Này các tỷ kheo, khi loài Người tuổi thọ chỉ có mười tuổi đao trượng kiếp khởi lên trong bảy ngày, trong thời gian ấy họ xem nhau như loài thú, đao kiếm sắc bén hiện ra trong tay của họ. Với đao kiếm sắc bén ấy họ tàn hại mạng nhau, xem nhau như loài thú. Này các Tỷ kheo, giữa các loài hữu tình ấy, một số suy nghĩ: "Chúng ta chớ giết ai; mong đừng ai giết chúng ta. Chúng ta hãy đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc hay kẽ núi và sống với rễ và trái cây". Họ đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẽ núi đi ra, ôm lấy nhau, cùng nhau an ủi, khoan khoái nói với nhau: "Sung sướng thay được thấy bạn còn sống! Sung

sương thay được thấy bạn còn sống!" Nay các Tỷ kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Vì chúng ta tạo nhân bất thiện pháp nên bà con chúng ta bị giết hại nhiều như vậy. Vậy chúng ta hãy làm điều thiện. Chúng ta làm điều thiện như thế nào? Chúng ta chớ có sát sanh. Đó là điều thiện chúng ta có thể làm". "Chúng ta sẽ không sát sanh", đó là điều thiện họ làm. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ của họ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh, nên tuổi thọ loài Người chỉ có mười tuổi nhưng con của họ, thọ đến hai mươi tuổi.

22. Nay các Tỷ kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Chúng ta nhờ hành thiện pháp làm nhân, nên tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vậy chúng ta hãy làm việc thiện nhiều hơn nữa. Chúng ta hãy gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không làm các tà hạnh, gìn giữ không nói láo, gìn giữ không nói hai lưỡi, gìn giữ không ác khẩu, gìn giữ không nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ tà kiến, tà bỏ ba pháp tức là phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Chúng ta hãy hiếu kính cha mẹ, kính lễ các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu trong gia đình. Chúng ta hãy thực hành thiện pháp ấy."

Họ hiếu kính mẹ, hiếu kính cha, kính lễ các vị Sa môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu ở trong gia đình, họ sẽ thực hành thiện pháp này. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ tăng thịnh, sắc đẹp tăng thịnh. Vì tuổi thọ họ tăng thịnh và sắc đẹp tăng thịnh, tuổi thọ loài Người đến hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn mươi tuổi và các người con sẽ lên đến tám mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến tám mươi tuổi và các người con sẽ lên đến một trăm sáu mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến một trăm sáu mươi tuổi và các người con sẽ lên đến ba trăm hai mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến ba trăm hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi và các con sẽ lên đến hai ngàn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến hai ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến bốn ngàn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến bốn ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến tám ngàn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến tám ngàn tuổi và các con sẽ lên đến hai vạn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến hai vạn tuổi các người con sẽ lên đến bốn vạn tuổi. Tuổi thọ loài Người lên đến bốn vạn tuổi và các người con sẽ lên tám vạn tuổi.

23. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, các người con gái đến năm trăm tuổi có thể thành lập gia đình. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, ba chứng bệnh sau đây có mặt: lòng dục, tham ăn và già. Nay các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, nước Jambudīpa này (Diêm phù đề) sẽ rất hùng mạnh và phong phú. Các làng mạc, tinh thành, kinh đô ở sát nhau đến nỗi con gà gáy bên này, bên kia có thể nghe được!

Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, nước Jambudìpa này như sẽ rất phồn thịnh với người Avidi (A-tỷ Địa ngục), giống như rừng lau hay rừng sậy. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, thành phố Baranasi này (Ba-la-nại) là kinh đô tên gọi Ketumati, rất là hùng mạnh, phong phú, đông dân cư và ăn uống đầy đủ. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi tại nước Jambudìpa này, sẽ có tám vạn bốn ngàn thành phố và Ketumati sẽ là kinh đô tối thượng.

24. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, ở kinh đô Ketumati, có vị Chuyển luân Thánh vương tên là Sankha ra đời, là vị pháp vương, lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục bốn thiên hạ, cai trị các quốc độ, và đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử, đồng kiến, hùng mạnh, nhiếp phục ngoại địch, vị này trị vì quả đất này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị quốc, không dùng trượng, không dùng kiếm.

25. Này các Tỷ kheo, khi tuổi thọ loài Người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời, là vị A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; như Ta nay sanh ra ở đời này, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng, và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời, loài Người; như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài Trời và loài Người. Vị này sẽ thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh; như Ta hiện nay thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ kheo Tăng đoàn; như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ kheo Tăng đoàn vậy.

26. Này các Tỷ kheo, vua Sankha sẽ cho thiết lập cung điện mà vua Mahà Panada đã thiết lập. Sau khi thiết lập, vua trú tại đó. Sau vua lại bỏ thí cung điện ấy, dâng cúng cho các vị Sa môn, Bà-la-môn, các hàng bần cùng, du đấng, ăn xin, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn Metteyya, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Vị này xuất gia như vậy, sống một mình, biệt lập, tinh tấn, trì chú, chuyên tâm, chẳng bao lâu chứng được vô thượng phạm hạnh, mà vì mục đích này các thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình. Với vô thượng phạm hạnh này, ngay trong hiện tại, vị này tự tu, tự chứng, đạt đến và an trú.

27. Nay các Tỷ kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác. Nay các Tỷ kheo, thế nào là một Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác? Nay các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo sống quán thân trên tự thân, nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, để diệt trừ tham ưu ở đời, trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, để có thể diệt trừ tham ưu ở đời. Như vậy nay các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, nương tựa Chánh pháp, không nương tựa một gì khác.

28. Nay các Tỷ kheo, hãy đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Ngươi truyền lại. Nay các Tỷ kheo, nếu các Ngươi đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các Ngươi truyền lại thời tuổi thọ sẽ được tăng thịnh, sắc đẹp sẽ được tăng thịnh, an lạc sẽ được tăng thịnh, tài sản sẽ được tăng thịnh, thế lực sẽ được tăng thịnh.

Nay các Tỷ kheo, như thế nào vị Tỷ kheo tuổi thọ được tăng thịnh? Nay các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo tu tập thần túc, đầy đủ Dục thiền định tinh cần hành; tu tập thần túc, đầy đủ Tinh tấn thiền định tinh cần hành; tu tập thần túc đầy đủ Tâm định tinh cần hành; tu tập thần túc đầy đủ Tư duy thiền định tinh cần hành. Vị này tu tập bốn pháp thần túc này một cách tinh cần, nếu muốn sống kéo dài một kiếp hay năm còn lại của một kiếp. Nay các Tỷ kheo, như vậy Ta nói vị Tỷ kheo tuổi thọ được tăng thịnh.

Nay các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo sắc đẹp được tăng thịnh? Nay các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo sống giữ giới luật, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha (Ba-la-đề-mộc-xoa), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Nay các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo sắc đẹp được tăng thịnh.

Nay các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo an lạc được tăng thịnh? Nay các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm, với tứ; diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ... chứng và trú Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Nay các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo an lạc được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo tài sản được tăng thịnh? Này các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân, với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... Vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Này các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo, tài sản được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, như thế nào là vị Tỷ kheo thế lực được tăng thịnh? Này các tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo, với sự diệt tận các lậu hoặc, tự mình biết và chứng, đạt đến an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát không còn các lậu hoặc. Này các Tỷ kheo, như vậy là vị Tỷ kheo thế lực được tăng thịnh.

Này các Tỷ kheo, ta quán sát và thấy không có một uy lực nào khác khó nhiếp phục hơn uy lực của Ma vương. Này các Tỷ kheo, chính nhờ chấp nhận và thực hành những thiện pháp ấy mà công đức này được tăng thịnh!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

Cakkavattisuttam

Attadīpasaraṇatā

80. Evaṃ me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā magadhesu viharati mātulāyaṃ. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – ‘bhikkhavo’ ti. ‘Bhaddante’ ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca – ‘attadīpā, bhikkhave, viharatha attasaraṇā anaññasaraṇā, dhammadīpā dhammasaraṇā anaññasaraṇā. Kathañca pana, bhikkhave, bhikkhu attadīpo viharati attasaraṇo anaññasaraṇo, dhammadīpo dhammasaraṇo anaññasaraṇo? Idha, bhikkhave, bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassam. Vedanāsu vedanānupassī...pe... citte cittānupassī...pe... dhammesu dhammānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassam. Evaṃ kho, bhikkhave, bhikkhu attadīpo viharati attasaraṇo anaññasaraṇo, dhammadīpo dhammasaraṇo anaññasaraṇo. ‘Gocare, bhikkhave, caratha sake pettike visaye. Gocare, bhikkhave, carataṃ sake pettike visaye na lacchati māro otāraṃ, na lacchati māro āramaṇaṃ [āramaṇaṃ (?)]. Kusalānaṃ, bhikkhave, dhammānaṃ samādānāhetu evamidam puññaṃ pavaḍḍhati.

Dalhanemicakkavattirājā

81. ‘Bhūtapubbaṃ, bhikkhave, rājā dalhanemi nāma ahosi cakkavattī [cakkavatti (syā. pī.)] dhammiko dhammarājā cāturato vijitāvī janapadatthāvariyaṃ sattaratanasamannāgato. Tassimāni satta ratanāni ahesuṃ seyyathidaṃ – cakkaratanāṃ hatthiratanāṃ assaratanāṃ maṇiratanāṃ itthiratanāṃ gahapatiratanāṃ pariṇāyakaratanameva sattamaṃ. Parosahassaṃ kho panassa puttā ahesuṃ sūrā vīraṅgarūpā parasenappamaddanā. So imaṃ pathaviṃ sāgarapariyantaṃ adaṇḍena asatthena dhammena [dhammena samena (syā. ka.)] abhivijjiya ajjhāvasi.

82. ‘Atha kho, bhikkhave, rājā dalhanemi bahunnaṃ vassānaṃ bahunnaṃ vassasatānaṃ bahunnaṃ vassasahassānaṃ accayena aññataraṃ purisaṃ āmantesi – ‘yadā tvam, ambho purisa, passeyyāsi dibbaṃ cakkaratanāṃ osakkitaṃ ṭhānā cutaṃ, atha me āroceyyāsi’ ti. ‘Evaṃ, devā’ ti kho, bhikkhave, so puriso rañño dalhanemissa paccassosi. Addasā kho, bhikkhave, so puriso bahunnaṃ vassānaṃ bahunnaṃ vassasatānaṃ bahunnaṃ vassasahassānaṃ accayena dibbaṃ cakkaratanāṃ osakkitaṃ ṭhānā cutaṃ, disvāna yena rājā dalhanemi tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā rājānaṃ dalhanemiṃ etadavoca – ‘yagghe, deva, jāneyyāsi, dibbaṃ te cakkaratanāṃ osakkitaṃ ṭhānā cuta’ nti. Atha kho, bhikkhave, rājā dalhanemi jetṭhaputtaṃ kumāraṃ āmantāpetvā [āmantetvā (syā. ka.)] etadavoca – ‘dibbaṃ kira me, tāta kumāra,

cakkaratanam osakkitam thānā cutam. Sutam kho pana metam – yassa rañño cakkavattissa dibbam cakkaratanam osakkati thānā cavati, na dāni tena raññā ciram jīvitabbam hotīti. Bhuttā kho pana me mānusakā kāmā, samayo dāni me dibbe kāme pariyesitum. Ehi tvam, tāta kumāra, imam samuddapariyantam pathaviṃ paṭipajja. Aham pana kesamassum ohāretvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā agārasmā anagāriyam pabbajissāmī’ti.

83. “Atha kho, bhikkhave, rājā dalhanemi jetthaputtam kumāram sādhum rajje samanūsāsitvā kesamassum ohāretvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā agārasmā anagāriyam pabbaji. Sattāhapabbajite kho pana, bhikkhave, rājissimhi dibbam cakkaratanam antaradhāyi. “Atha kho, bhikkhave, aññataro puriso yena rājā khattiyō muddhābhisitto [muddhāvasitto (sī. syā. pī.) evamuparipi] tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā rājānam khattiyam muddhābhisittam etadavoca – ‘yagghe, deva, jāneyyāsi, dibbam cakkaratanam antarahita’nti. Atha kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto dibbe cakkaratane antarahite anattamano ahosi, anattamanatañca paṭisaṃvedesi. So yena rājisi tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā rājissim etadavoca – ‘yagghe, deva, jāneyyāsi, dibbam cakkaratanam antarahita’nti. Evaṃ vutte, bhikkhave, rājisi rājānam khattiyam muddhābhisittam etadavoca – ‘mā kho tvam, tāta, dibbe cakkaratane antarahite anattamano ahosi, mā anattamanatañca paṭisaṃvedesi, na hi te, tāta, dibbam cakkaratanam pettikaṃ dāyajjam. Ingha tvam, tāta, ariye cakkavattivatte vattāhi. Thānam kho panetaṃ vijjati, yaṃ te ariye cakkavattivatte vattamānassa tadahuposathe pannarase sīsaṃhātassa [sīsaṃ nahātassa (sī. pī.), sīsaṃhātassa (syā.)] uposathikassa uparipāsādaragatassa dibbam cakkaratanam pātubhavissati sahasāram sanemikaṃ sanābhikaṃ sabbākāraparipūra’nti.

Cakkavattiarivattam

84. “‘Katamam pana tam, deva, ariyam cakkavattivatta’nti ? ‘Tena hi tvam, tāta, dhammayeva nissāya dhammam sakkaronto dhammam garum karonto [garukaronto (sī. syā. pī.)] dhammam mānento dhammam pūjento dhammam apacāyamāno dhammaddhajo dhammaketu dhammādhipeyyo dhammikaṃ rakkhāvaraṇaguttiṃ saṃvidahassu antojanasmiṃ balakāyasmim khattiyesu anuyantesu [anuyuttesu (sī. pī.)] brāhmaṇagahapatikesu negamajānapadesu samaṇabrāhmaṇesu migapakkhīsu. Mā ca te, tāta, vijite adhammakāro pavattittha. Ye ca te, tāta, vijite adhanā assu, tesañca dhanamanuppadeyyāsi [dhanamanuppadaṃ jeyyāsi (sī. syā. pī.)]. Ye ca te, tāta, vijite samaṇabrāhmaṇā madappamādā paṭiviratā khantisoracce nivīṭṭhā ekamattānam damenti, ekamattānam samenti, ekamattānam parinibbāpenti, te kālena kālam upasaṅkamitvā paripuccheyyāsi pariggaṇheyāsi – ‘kiṃ,

bhante, kusalam, kiṃ akusalam, kiṃ sāvajjam, kiṃ anavajjam, kiṃ sevitabbam, kiṃ na sevitabbam, kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya assa, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya assā’ ’ti? Tesam sutvā yaṃ akusalam taṃ abhinivajjeyyāsi, yaṃ kusalam taṃ samādāya vatteyyāsi. Idaṃ kho, tāta, taṃ ariyaṃ cakkavattivatta’nti.

Cakkaratanapātubhāvo

85. “‘Evaṃ, devā’ ’ti kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto rājissisa paṭissutvā ariye cakkavattivatte [ariyaṃ cakkavattivattaṃ (ka.)] vatti. Tassa ariye cakkavattivatte vattamānassa tadahuposathe pannarase sīsamnhātassa uposathikassa uparipāsādavaragatassa dibbaṃ cakkaratanaṃ pāturahosi sahasāraṃ sanemikaṃ sanābhikaṃ sabbākāraparipūraṃ. Disvāna rañño khattiyassa muddhābhisittassa etadahosi – ‘sutaṃ kho pana metaṃ – yassa rañño khattiyassa muddhābhisittassa tadahuposathe pannarase sīsamnhātassa uposathikassa uparipāsādavaragatassa dibbaṃ cakkaratanaṃ pātubhavati sahasāraṃ sanemikaṃ sanābhikaṃ sabbākāraparipūraṃ , so hoti rājā cakkavattī’ ’ti. Assaṃ nu kho ahaṃ rājā cakkavattīti.

“‘Atha kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto utthāyāsanaṃ ekamsaṃ utarāsaṅgaṃ karitvā vāmena hatthena bhikkhāraṃ gahetvā dakkhiṇena hatthena cakkaratanaṃ abbhukkiri – ‘pavattatu bhavaṃ cakkaratanaṃ, abhivijjātu bhavaṃ cakkaratana’nti.

“‘Atha kho taṃ, bhikkhave, cakkaratanaṃ puratthimaṃ disaṃ pavatti, anvadeva rājā cakkavattī saddhiṃ caturaṅginiyā senāya. Yasmiṃ kho pana, bhikkhave, padese cakkaratanaṃ patitthāsi, tattha rājā cakkavattī vāsaṃ upagacchi saddhiṃ caturaṅginiyā senāya. Ye kho pana, bhikkhave, puratthimāya disāya paṭirājāno, te rājānaṃ cakkavattim upasaṅkamitvā evamāhaṃsu – ‘ehi kho, mahārāja, svāgataṃ te [sāgataṃ (sī. pī.)] mahārāja, sakaṃ te, mahārāja, anusāsa, mahārājā’ ’ti.

Rājā cakkavattī evamāha – ‘pāṇo na hantabbo, adinnaṃ nādātappaṃ, kāmesumicchā na caritabbā, musā na bhāsitabbā, majjaṃ na pātappaṃ, yathābhuttaṃca bhuñjathā’ ’ti. Ye kho pana, bhikkhave, puratthimāya disāya paṭirājāno, te rañño cakkavattissa anuyantā [anuyuttā (sī. pī.)] ahesuṃ.

86. “‘Atha kho taṃ, bhikkhave, cakkaratanaṃ puratthimaṃ samuddaṃ ajjhogāhetvā [ajjhogāhetvā (sī. syā. pī.)] paccuttarivā dakkhiṇaṃ disaṃ pavatti...pe... dakkhiṇaṃ samuddaṃ ajjhogāhetvā paccuttarivā pacchimaṃ disaṃ pavatti, anvadeva rājā cakkavattī saddhiṃ caturaṅginiyā senāya. Yasmiṃ kho pana, bhikkhave, padese cakkaratanaṃ patitthāsi, tattha rājā cakkavattī vāsaṃ upagacchi saddhiṃ caturaṅginiyā senāya. Ye kho pana, bhikkhave, pacchimāya disāya paṭirājāno, te rājānaṃ cakkavattim upasaṅkamitvā evamāhaṃsu – ‘ehi kho,

mahārāja, svāgataṃ te, mahārāja, sakaṃ te, mahārāja, anusāsa, mahārājā'ti. Rājā cakkavattī evamāha – ‘pāṇo na hantabbo, adinnaṃ nādātappaṃ, kāmesumicchā na caritabbā, musā na bhāsitaṃ, majjamaṃ na pātappaṃ, yathābhuttaṃca bhujjathā'ti. Ye kho pana, bhikkhave, pacchimaṃ disāya paṭirājāno, te rañño cakkavattissa anuyantā ahesuṃ.

87. “Atha kho taṃ, bhikkhave, cakkarataṃ pacchimaṃ samuddaṃ ajjhogāhetvā paccuttarivaṃ uttaraṃ disaṃ pavatti, anvadeva rājā cakkavattī saddhiṃ caturaṅginīyā senāya. Yasmiṃ kho pana, bhikkhave, padese cakkarataṃ patitthāsi, tattha rājā cakkavattī vāsaṃ upagacchi saddhiṃ caturaṅginīyā senāya. Ye kho pana, bhikkhave, uttaraṃ disāya paṭirājāno, te rājānaṃ cakkavattiṃ upasaṅkamitvā evamāhaṃsu – ‘ehi kho, mahārāja, svāgataṃ te, mahārāja, sakaṃ te, mahārāja, anusāsa, mahārājā'ti. Rājā cakkavattī evamāha – ‘pāṇo na hantabbo, adinnaṃ nādātappaṃ, kāmesumicchā na caritabbā, musā na bhāsitaṃ, majjamaṃ na pātappaṃ, yathābhuttaṃca bhujjathā'ti. Ye kho pana, bhikkhave, uttaraṃ disāya paṭirājāno, te rañño cakkavattissa anuyantā ahesuṃ.

“Atha kho taṃ, bhikkhave, cakkarataṃ samuddapariyantaṃ pathaviṃ abhivijjinitvā tameva rājadhāniṃ paccāgantvā rañño cakkavattissa antepuradvāre atthakaraṇapamukhe [aḍḍakaraṇapamukhe (ka.)] akkhāhataṃ maññe aṭṭhāsi rañño cakkavattissa antepuraṃ upasobhayamaṇaṃ.

Dutiyādicakkavattikathā

88. “Dutiyopi kho, bhikkhave, rājā cakkavattī...pe... tatiyopi kho, bhikkhave, rājā cakkavattī... catutthopi kho, bhikkhave, rājā cakkavattī... pañcamopi kho, bhikkhave, rājā cakkavattī... chaṭṭhopi kho, bhikkhave, rājā cakkavattī... sattamopi kho, bhikkhave, rājā cakkavattī bahunnaṃ vassānaṃ bahunnaṃ vassasatānaṃ bahunnaṃ vassasahassānaṃ accayena aññataraṃ purisaṃ āmantesi – ‘yadā tvaṃ, ambho purisa, passeyyāsi dibbaṃ cakkarataṃ osakkitaṃ ṭhānā cutaṃ, atha me āroceyyāsi'ti. ‘Evaṃ, devā'ti kho, bhikkhave, so puriso rañño cakkavattissa paccassosi. Addasā kho, bhikkhave, so puriso bahunnaṃ vassānaṃ bahunnaṃ vassasatānaṃ bahunnaṃ vassasahassānaṃ accayena dibbaṃ cakkarataṃ osakkitaṃ ṭhānā cutaṃ. Disvāna yena rājā cakkavattī tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā rājānaṃ cakkavattiṃ etadavoca – ‘yagge, deva, jāneyyāsi, dibbaṃ te cakkarataṃ osakkitaṃ ṭhānā cuta'nti?

89. “Atha kho, bhikkhave, rājā cakkavattī jeṭṭhaputtaṃ kumāraṃ āmantāpetvā etadavoca – ‘dibbaṃ kira me, tāta kumāra, cakkarataṃ osakkitaṃ, ṭhānā cutaṃ, sutamaṃ kho pana metaṃ – yassa rañño cakkavattissa dibbaṃ cakkarataṃ osakkati, ṭhānā cavati, na dāni tena raññā ciraṃ jīvitappaṃ hotīti. Bhuttā kho pana me mānusakā kāmā, samayo dāni me dibbe kāme

pariyesitum, ehi tvam, tāta kumāra, imam samuddapariyantam pathavim patipajja . Aham pana kesamassum ohāretvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā agārasmā anagāriyam pabbajissāmī’ti.

“Atha kho, bhikkhave, rājā cakkavattī jetthaputtam kumāram sādhu kam rajje samanussāsivā kesamassum ohāretvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā agārasmā anagāriyam pabbaji.

Sattāhapabbajite kho pana, bhikkhave, rājissimhi dibbam cakkaratanaṃ antaradhāyi.

90. “Atha kho, bhikkhave, aññataro puriso yena rājā khattiyō muddhābhisitto tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā rājānaṃ khattiyam muddhābhisittam etadavoca – ‘yagghe, deva, jāneyyāsi, dibbam cakkaratanaṃ antarahita’nti? Atha kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto dibbe cakkaratane antarahite anattamano ahosi. Anattamanatañca paṭisaṃvedesi; no ca kho rājissim upasaṅkamitvā ariyam cakkavattivattam pucchi. So samateneva sudam janapadam pasāsati. Tassa samatena janapadam pasāsato pubbenāparam janapadā na pabbanti, yathā tam pubbakānaṃ rājūnaṃ ariye cakkavattivate vattamānānaṃ.

“Atha kho, bhikkhave, amaccā pārisajjā gaṇakamahāmatā anīkaṭṭhā dovārikā mantassājīvino sannipatitvā rājānaṃ khattiyam muddhābhisittam etadavocum – ‘na kho te, deva, samatena (sudam) janapadam pasāsato pubbenāparam janapadā pabbanti, yathā tam pubbakānaṃ rājūnaṃ ariye cakkavattivate vattamānānaṃ. Saṃvijjanti kho te, deva, vijjite amaccā pārisajjā gaṇakamahāmatā anīkaṭṭhā dovārikā mantassājīvino mayañceva aññe ca [aññe ca paṇḍite samaṇabrāhmaṇe puccheyyāsi (ka.)] ye mayam ariyam cakkavattivattam dhārema. Ingha tvam, deva, amhe ariyam cakkavattivattam puccha. Tassa te mayam ariyam cakkavattivattam puṭṭhā byākarissāmā’ti.

Āyuvanṇādipariyānikathā

91. “Atha kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto amacce pārisajje gaṇakamahāmatte anīkaṭṭhe dovārike mantassājīvino sannipātetvā ariyam cakkavattivattam pucchi. Tassa te ariyam cakkavattivattam puṭṭhā byākarimṣu. Tesam sutvā dhammikañhi kho rakkhāvaraṇaguttiṃ saṃvidahi, no ca kho adhanānaṃ dhanamanuppadāsi. Adhanānaṃ dhane ananupadiyamāne dāliddiyam vepullamagamāsi. Dāliddiye vepullam gate aññataro puriso paresam adinnaṃ theyyasaṅkhātam ādiyi. Tameṇaṃ aggahesum. Gahetvā rañño khattiyassa muddhābhisittassa dassesum – ‘ayam, deva, puriso paresam adinnaṃ theyyasaṅkhātam ādiyī’ti. Evaṃ vutte, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto tam purisam etadavoca – ‘saccam kira tvam, ambho purisa, paresam adinnaṃ theyyasaṅkhātam ādiyī’ti [ādiyasīti (syā.)]? ‘Saccam, devā’ti. ‘Kiṃ kāraṇā’ti? ‘Na hi, deva, jīvāmī’ti. Atha kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto tassa purisassa dhanamanuppadāsi – ‘iminā tvam, ambho purisa, dhanena

attanā ca jīvāhi, mātāpitaro ca posehi, puttadārañca posehi, kammante ca payojehi, samaṇabrāhmaṇesu [samaṇesu brāhmaṇesu (bahūsu)] uddhaggikaṃ dakkhiṇaṃ patitṭhāpehi sovaggikaṃ sukhavipākaṃ saggasaṃvattanika’nti. ‘Evaṃ, devā’ti kho, bhikkhave, so puriso rañño khattiyassa muddhābhisittassa paccassosi.

“Aññataropi kho, bhikkhave, puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyi. Tameṇaṃ aggahesum. Gahetvā rañño khattiyassa muddhābhisittassa dassesum – ‘ayaṃ, deva, puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyī’ti. Evaṃ vutte, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto taṃ purisaṃ etadavoca – ‘saccaṃ kira tvaṃ, ambho purisa, paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyī’ti? ‘Saccaṃ, devā’ti. ‘Kiṃ kāraṇā’ti? ‘Na hi, deva, jīvāmī’ti. Atha kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto tassa purisassa dhanamanuppadāsi – ‘iminā tvaṃ, ambho purisa, dhanena attanā ca jīvāhi, mātāpitaro ca posehi, puttadārañca posehi, kammante ca payojehi, samaṇabrāhmaṇesu uddhaggikaṃ dakkhiṇaṃ patitṭhāpehi sovaggikaṃ sukhavipākaṃ saggasaṃvattanika’nti. ‘Evaṃ, devā’ti kho, bhikkhave, so puriso rañño khattiyassa muddhābhisittassa paccassosi .

92. “Assosum kho, bhikkhave, manussā – ‘ye kira, bho, paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyanti, tesaṃ rājā dhanamanuppadetī’ti. Sutvāna tesaṃ etadahosi – ‘yaṃnūna mayampi paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyeyyāmā’ti. Atha kho, bhikkhave, aññataro puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyi. Tameṇaṃ aggahesum. Gahetvā rañño khattiyassa muddhābhisittassa dassesum – ‘ayaṃ, deva, puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyī’ti. Evaṃ vutte, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto taṃ purisaṃ etadavoca – ‘saccaṃ kira tvaṃ, ambho purisa, paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyī’ti? ‘Saccaṃ, devā’ti. ‘Kiṃ kāraṇā’ti? ‘Na hi, deva, jīvāmī’ti. Atha kho, bhikkhave, rañño khattiyassa muddhābhisittassa etadahosi – ‘sace kho ahaṃ yo yo paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātāṃ ādiyissati, tassa tassa dhanamanuppadassāmi, evamidaṃ adinnādānaṃ pavaḍḍhissati. Yaṃnūnāhaṃ imaṃ purisaṃ sunisedhaṃ nisedheyyaṃ, mūlaghaccaṃ [mūlaghacchaṃ (syā.), mūlachejja (ka.)] kareyyaṃ, sīsamassa chindeyya’nti. Atha kho, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto purise āṇāpesi – ‘tena hi, bhaṇe, imaṃ purisaṃ dalhāya rajjuyā pacchābāhaṃ [pacchābāhum (syā.)] gālhabandhanaṃ bandhitvā khuramuṇḍaṃ karitvā kharassarena paṇavena rathikāya rathikaṃ siṅghāṭakena siṅghāṭakaṃ parinetvā dakkhiṇena dvārena nikkhamitvā dakkhiṇato nagarassa sunisedhaṃ nisedhetha, mūlaghaccaṃ karoṭha, sīsamassa chindathā’ti. ‘Evaṃ, devā’ti kho, bhikkhave, te purisā rañño khattiyassa muddhābhisittassa paṭissutvā taṃ purisaṃ dalhāya rajjuyā pacchābāhaṃ gālhabandhanaṃ bandhitvā khuramuṇḍaṃ karitvā kharassarena paṇavena

rathikāya rathikaṃ siṅghāṭakena siṅghāṭakaṃ parinetvā dakkhiṇena dvārena nikkhamitvā dakkhiṇato nagarassa sunisedhaṃ nisedhesuṃ, mūlaghaccaṃ akaṃsu, sīsamassa chindimsu. 93. “Assosum kho, bhikkhave, manussā – ‘ye kira, bho, paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyanti, te rājā sunisedhaṃ nisedheti, mūlaghaccaṃ karoti, sīsāni tesāṃ chindatī’ti. Sutvāna tesāṃ etadahosi – ‘yaṃnūna mayampi tiṅhāni satthāni kārāpessāma [kārāpeyyāma (syā. pī.) kārāpeyyāmāti (ka. sī.)], tiṅhāni satthāni kārāpetvā yesaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyissāma, te sunisedhaṃ nisedhessāma, mūlaghaccaṃ karissāma, sīsāni tesāṃ chindissāmā’ti. Te tiṅhāni satthāni kārāpesuṃ, tiṅhāni satthāni kārāpetvā gāmaghātampi upakkamiṃsu kātuṃ, nigamaghātampi upakkamiṃsu kātuṃ, nagaraghātampi upakkamiṃsu kātuṃ, panthaduhanampi [panthadūhanampi (sī. syā. pī.)] upakkamiṃsu kātuṃ. Yesaṃ te adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyanti, te sunisedhaṃ nisedhenti, mūlaghaccaṃ karonti, sīsāni tesāṃ chindanti.

94. “Iti kho, bhikkhave, adhanānaṃ dhane ananuppadiyamāne dāliddiyaṃ vepullamagamāsi, dāliddiye vepullaṃ gate adinnādānaṃ vepullamagamāsi, adinnādāne vepullaṃ gate satthaṃ vepullamagamāsi, satthe vepullaṃ gate pāṇātipāto vepullamagamāsi, pāṇātipāte vepullaṃ gate tesāṃ sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesāṃ āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ asītivassasahassāyukānaṃ manussānaṃ cattārīsavassasahassāyukā puttā ahesuṃ.

“Cattārīsavassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu aññataro puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyī. Tamenāṃ aggahesuṃ. Gahetvā rañño khattiyassa muddhābhisittassa dassesuṃ – ‘ayaṃ, deva, puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyī’ti. Evaṃ vutte, bhikkhave, rājā khattiyō muddhābhisitto taṃ purisaṃ etadavoca – ‘saccaṃ kira tvaṃ, ambho purisa, paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyī’ti? ‘Na hi, devā’ti sampajānamusā abhāsi.

95. “Iti kho, bhikkhave, adhanānaṃ dhane ananuppadiyamāne dāliddiyaṃ vepullamagamāsi. Dāliddiye vepullaṃ gate adinnādānaṃ vepullamagamāsi, adinnādāne vepullaṃ gate satthaṃ vepullamagamāsi. Satthe vepullaṃ gate pāṇātipāto vepullamagamāsi, pāṇātipāte vepullaṃ gate musāvādo vepullamagamāsi, musāvāde vepullaṃ gate tesāṃ sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesāṃ āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ cattārīsavassasahassāyukānaṃ manussānaṃ vīsativassasahassāyukā puttā ahesuṃ.

“Vīsativassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu aññataro puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyī. Tamenāṃ aññataro puriso rañño khattiyassa muddhābhisittassa ārocasi – ‘itthannāmo, deva, puriso paresaṃ adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyī’ti pesuññamakāsi.

96. “Iti kho, bhikkhave, adhanānaṃ dhane ananuppadiyamāne dāliddiyaṃ vepullamagamāsi. Dāliddiye vepullaṃ gate adinnādānaṃ vepullamagamāsi, adinnādāne vepullaṃ gate satthaṃ vepullamagamāsi, satthe vepullaṃ gate pāṇātipāto vepullamagamāsi, pāṇātipāte vepullaṃ gate musāvādo vepullamagamāsi, musāvāde vepullaṃ gate pisuṇā vācā vepullamagamāsi, pisuṇāya vācāya vepullaṃ gatāya tesam sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesam āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ vīsativassasahassāyukānaṃ manussānaṃ dasavassasahassāyukā puttā ahesuṃ.

“Dasavassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu ekidaṃ sattā vaṇṇavanto honti, ekidaṃ sattā dubbaṇṇā. Tattha ye te sattā dubbaṇṇā, te vaṇṇavante satte abhijjhāyantā paresaṃ dāresu cārittaṃ āpajjimsu.

97. “Iti kho, bhikkhave, adhanānaṃ dhane ananuppadiyamāne dāliddiyaṃ vepullamagamāsi. Dāliddiye vepullaṃ gate...pe... kāmesumicchācāro vepullamagamāsi, kāmesumicchācāre vepullaṃ gate tesam sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesam āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ dasavassasahassāyukānaṃ manussānaṃ pañcavassasahassāyukā puttā ahesuṃ.

98. “Pañcavassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu dve dhammā vepullamagamamsu – pharusāvācā samphappalāpo ca. Dvīsu dhammesu vepullaṃ gatesu tesam sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesam āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ pañcavassasahassāyukānaṃ manussānaṃ appekacce aḍḍhateyyavassasahassāyukā, appekacce dvevassasahassāyukā puttā ahesuṃ.

99. “Aḍḍhateyyavassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu abhijjhābyāpādā vepullamagamamsu. Abhijjhābyāpādesu vepullaṃ gatesu tesam sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesam āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ aḍḍhateyyavassasahassāyukānaṃ manussānaṃ vassasahassāyukā puttā ahesuṃ.

100. “Vassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu micchādītṭhi vepullamagamāsi. Micchādītṭhiyā vepullaṃ gatāya tesam sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesam āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ vassasahassāyukānaṃ manussānaṃ pañcavassasatāyukā puttā ahesuṃ.

101. “Pañcavassasatāyukesu, bhikkhave, manussesu tayo dhammā vepullamagamamsu. Adhammarāgo visamalobho micchādhammo. Tīsu dhammesu vepullaṃ gatesu tesam sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesam āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi

parihāyamānānaṃ pañcavassasatāyukānaṃ manussānaṃ appekacce adḍhateyyavassasatāyukā, appekacce dvevassasatāyukā puttā ahesuṃ.

“Adḍhateyyavassasatāyukesu, bhikkhave, manussesu ime dhammā vepullamagamamsu. Amatteyyatā apetteyyatā asāmaññatā abrahmaññatā na kule jetṭhāpacāyitā.

102. “Iti kho, bhikkhave, adhanānaṃ dhane ananuppadiyamāne dāliddiyaṃ vepullamagamāsi. Dāliddiye vepullaṃ gate adinnādānaṃ vepullamagamāsi. Adinnādāne vepullaṃ gate satthaṃ vepullamagamāsi. Satthe vepullaṃ gate pāṇātipāto vepullamagamāsi. Pāṇātipāte vepullaṃ gate musāvādo vepullamagamāsi. Musāvāde vepullaṃ gate pisuṇā vācā vepullamagamāsi. Pisuṇāya vācāya vepullaṃ gatāya kāmesumicchācāro vepullamagamāsi. Kāmesumicchācāre vepullaṃ gate dve dhammā vepullamagamamsu, pharusā vācā samphappalāpo ca. Dvīsu dhammesu vepullaṃ gatesu abhijjhābyāpādā vepullamagamamsu. Abhijjhābyāpādesu vepullaṃ gatesu micchādīṭṭhi vepullamagamāsi. Micchādīṭṭhiyā vepullaṃ gatāya tayo dhammā vepullamagamamsu, adhammarāgo visamalobho micchādhammo. Tīsu dhammesu vepullaṃ gatesu ime dhammā vepullamagamamsu, amatteyyatā apetteyyatā asāmaññatā abrahmaññatā na kule jetṭhāpacāyitā. Imesu dhammesu vepullaṃ gatesu tesam sattānaṃ āyupi parihāyi, vaṇṇopi parihāyi. Tesam āyunāpi parihāyamānānaṃ vaṇṇenapi parihāyamānānaṃ adḍhateyyavassasatāyukānaṃ manussānaṃ vassasatāyukā puttā ahesuṃ.

Dasavassāyukasamayo

103. “Bhavissati, bhikkhave, so samayo, yaṃ imesaṃ manussānaṃ dasavassāyukā puttā bhavissanti. Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu pañcavassikā [pañcamāsikā (ka. sī.)] kumārikā alaṃpateyyā bhavissanti. Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu imāni rasāni antaradhāyissanti, seyyathidaṃ, sappi navaṇītaṃ telaṃ madhu phāṇītaṃ loṇaṃ.

Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu kudrūsako aggamaṃ bhojanānaṃ [aggabhojanaṃ (syā.)] bhavissati. Seyyathāpi, bhikkhave, etarahi sālīmaṃsodano aggamaṃ bhojanānaṃ; evameva kho, bhikkhave, dasavassāyukesu manussesu kudrūsako aggamaṃ bhojanānaṃ bhavissati.

“Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu dasa kusalakammaṃpathā sabbena sabbamaṃ antaradhāyissanti, dasa akusalakammaṃpathā ativyādippissanti [ativiya dippissanti (syā. pī.), ativyādippissanti (sī.)]. Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu kusalantipi na bhavissati, kuto pana kusalassa kāraṃko. Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu ye te bhavissanti amatteyyā apetteyyā asāmaññā abrahmaññā na kule jetṭhāpacāyino, te puṃjā ca bhavissanti pāsamsā ca. Seyyathāpi, bhikkhave, etarahi matteyyā petteyyā sāmāññā brahmaññā kule jetṭhāpacāyino puṃjā ca pāsamsā ca; evameva kho, bhikkhave, dasavassāyukesu manussesu ye

te bhavissanti amatteyyā apetteyyā asāmaññā abrahmaññā na kule jetṭhāpacāyino, te pujjā ca bhavissanti pāsamsā ca.

“Dasavassāyukesu , bhikkhave, manussesu na bhavissati mātāti vā mātucchāti vā mātulanīti vā ācariyabhariyāti vā garūnaṃ dārāti vā. Sambhedam loko gamissati yathā ajeḷakā kukkuṭasūkarā soṇasiṅgālā [soṇasiḡālā (sī. pī.)].

“Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu tesam sattānaṃ aññamaññamhi tibbo āghāto paccupaṭṭhito bhavissati tibbo byāpādo tibbo manopadoso tibbam vadhakacittam. Mātupi puttamhi puttassapi mātari; pitupi puttamhi puttassapi pitari; bhātupi bhaginiyā bhaginiyāpi bhātari tibbo āghāto paccupaṭṭhito bhavissati tibbo byāpādo tibbo manopadoso tibbam vadhakacittam. Seyyathāpi, bhikkhave, māgavikassa migam disvā tibbo āghāto paccupaṭṭhito hoti tibbo byāpādo tibbo manopadoso tibbam vadhakacittam; evameva kho, bhikkhave, dasavassāyukesu manussesu tesam sattānaṃ aññamaññamhi tibbo āghāto paccupaṭṭhito bhavissati tibbo byāpādo tibbo manopadoso tibbam vadhakacittam. Mātupi puttamhi puttassapi mātari; pitupi puttamhi puttassapi pitari; bhātupi bhaginiyā bhaginiyāpi bhātari tibbo āghāto paccupaṭṭhito bhavissati tibbo byāpādo tibbo manopadoso tibbam vadhakacittam.

104. “Dasavassāyukesu, bhikkhave, manussesu sattāham satthantarakappo bhavissati. Te aññamaññamhi migasaññam paṭilabhissanti. Tesam tiṅhāni satthāni hatthesu pātubhavissanti. Te tiṅhena satthena ‘esa migo esa migo’ti aññamaññam jīvitā voropessanti.

“Atha kho tesam, bhikkhave, sattānaṃ ekaccānaṃ evam bhavissati – ‘mā ca mayaṃ kañci [kiñci (ka.)], mā ca amhe koci, yaṃnūna mayaṃ tiṅgahanam vā vanagahanam vā rukkhagahanam vā nadīviduggam vā pabbatavisamaṃ vā pavisitvā vanamūlaphalāhārā yāpeyyāmā’ti. Te tiṅgahanam vā vanagahanam vā rukkhagahanam vā nadīviduggam vā pabbatavisamaṃ vā [te tiṅgahanam vanagahanam rukkhagahanam nadīviduggam pabbatavisamaṃ (sī. pī.)] pavisitvā sattāham vanamūlaphalāhārā yāpessanti. Te tassa sattāhassa accayena tiṅgahanā vanagahanā rukkhagahanā nadīviduggā pabbatavisamā nikkhamitvā aññamaññam āliṅgitvā sabhāgāyissanti samassāsissanti – ‘diṭṭhā, bho, sattā jīvasi, diṭṭhā, bho, sattā jīvasī’ti.

Āyuvaṇṇādivaḍḍhanakathā

105. “Atha kho tesam, bhikkhave, sattānaṃ evam bhavissati – ‘mayaṃ kho akusalānaṃ dhammānaṃ samādānāhetu evarūpaṃ āyatam ñātikkhayaṃ pattā. Yaṃnūna mayaṃ kusalam kareyyāma. Kiṃ kusalam kareyyāma? Yaṃnūna mayaṃ paṇātipātā virameyyāma, idaṃ kusalam dhammaṃ samādāya vatteyyāmā’ti. Te paṇātipātā viramissanti, idaṃ kusalam

dhammaṃ samādāya vattissanti. Te kusalānaṃ dhammānaṃ samādānahetu āyunāpi vaḍḍhissanti, vaṇṇenapi vaḍḍhissanti . Tesam āyunāpi vaḍḍhamānānaṃ vaṇṇenapi vaḍḍhamānānaṃ dasavassāyukānaṃ manussānaṃ vīsativassāyukā puttā bhavissanti.

“Atha kho tesam, bhikkhave, sattānaṃ evaṃ bhavissati – ‘mayam kho kusalānaṃ dhammānaṃ samādānahetu āyunāpi vaḍḍhāma, vaṇṇenapi vaḍḍhāma. Yaṃnūna mayam bhiyyosomattāya kusalam kareyyāma. Kiṃ kusalam kareyyāma? Yaṃnūna mayam adinnādānā virameyyāma... kāmesumicchācārā virameyyāma... musāvādā virameyyāma... piṣuṇāya vācāya virameyyāma... pharusāya vācāya virameyyāma... samphappalāpā virameyyāma... abhijjham pajaheyyāma... byāpādam pajaheyyāma... micchādittim pajaheyyāma... tayo dhamme pajaheyyāma – adhammarāgaṃ visamalobham micchādhammaṃ... yaṃnūna mayam matteyyā assāma petteyyā sāmāññā brahmaññā kule jetṭhāpacāyino, idaṃ kusalam dhammaṃ samādāya vatteyyāma’ti. Te matteyyā bhavissanti petteyyā sāmāññā brahmaññā kule jetṭhāpacāyino, idaṃ kusalam dhammaṃ samādāya vattissanti.

“Te kusalānaṃ dhammānaṃ samādānahetu āyunāpi vaḍḍhissanti, vaṇṇenapi vaḍḍhissanti. Tesam āyunāpi vaḍḍhamānānaṃ vaṇṇenapi vaḍḍhamānānaṃ vīsativassāyukānaṃ manussānaṃ cattārīsavassāyukā puttā bhavissanti... cattārīsavassāyukānaṃ manussānaṃ asītivassāyukā puttā bhavissanti... asītivassāyukānaṃ manussānaṃ saṭṭhivassasatāyukā puttā bhavissanti... saṭṭhivassasatāyukānaṃ manussānaṃ vīsativassasatāyukā puttā bhavissanti... vīsativassasatāyukānaṃ manussānaṃ cattārīsachabbassasatāyukā puttā bhavissanti. Cattārīsachabbassasatāyukānaṃ manussānaṃ dvevassasahassāyukā puttā bhavissanti... dvevassasahassāyukānaṃ manussānaṃ cattārīvassasahassāyukā puttā bhavissanti... cattārīvassasahassāyukānaṃ manussānaṃ aṭṭhavassasahassāyukā puttā bhavissanti... aṭṭhavassasahassāyukānaṃ manussānaṃ vīsativassasahassāyukā puttā bhavissanti... vīsativassasahassāyukānaṃ manussānaṃ cattārīsavassasahassāyukā puttā bhavissanti... cattārīsavassasahassāyukānaṃ manussānaṃ asītivassasahassāyukā puttā bhavissanti... asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu pañcavassasatikā kumārikā alampatteyyā bhavissanti.

Saṅkharājauppatti

106. “Asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu tayo ābādhā bhavissanti, icchā, anasanaṃ, jarā. Asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu ayaṃ jambudīpo iddho ceva bhavissati phīto ca, kukkuṭasampātikā gāmanigamarājadhāniyo [gāmanigamajanapadā rājadhāniyo (ka.)]. Asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu ayaṃ jambudīpo avīci

maññe phuṭo bhavissati manussehi, seyyathāpi naḷavanam vā saravanam [sārvanam (syā.)] vā. Asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu ayam bārāṇasī ketumatī nāma rājadhānī bhavissati iddhā ceva phītā ca bahujanā ca ākiṇṇamanussā ca subhikkhā ca.

Asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu imasmim jambudīpe caturāsītinagarasahassāni bhavissanti ketumatīrājadhānīpamukhāni. Asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu ketumatiyā rājadhāniyā saṅkho nāma rājā uppajjissati cakkavattī dhammiko dhammarājā cāturato vijitāvī janapadatthāvariyaṭṭo sattaratanasamannāgato. Tassimāni satta ratanāni bhavissanti, seyyathidaṃ, cakkaratanam hatthiratanam assaratanam maṇiratanam itthiratanam gahapatiratanam pariṇāyakaratanameva sattamaṃ. Parosahassam kho panassa puttā bhavissanti sūrā vīraṅgarūpā parasenappamaddanā. So imam pathaviṃ sāgarapariyantam adaṇḍena asatthena dhammena abhivijjiya ajjhāvasissati.

Metteyyabuddhuppādo

107. “Asītivassasahassāyukesu, bhikkhave, manussesu metteyyo nāma bhagavā loke uppajjissati araham sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi satthā devamanussānam buddho bhagavā. Seyyathāpāhametarahi loke uppanno araham sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi satthā devamanussānam buddho bhagavā. So imam lokam sadevakam samārakam sabrahmakam sassamaṇabrāhmaṇim pajam sadevamanussam sayam abhiññā sacchikatvā pavedessati, seyyathāpāhametarahi imam lokam sadevakam samārakam sabrahmakam sassamaṇabrāhmaṇim pajam sadevamanussam sayam abhiññā sacchikatvā pavedemi. So dhammam desessati ādikalyāṇam majjhekalyāṇam pariyoṣānakalyāṇam sāttham sabyañjanam kevalaparipuṇṇam parisuddham brahmacariyam pakāsessati; seyyathāpāhametarahi dhammam desemi ādikalyāṇam majjhekalyāṇam pariyoṣānakalyāṇam sāttham sabyañjanam kevalaparipuṇṇam parisuddham brahmacariyam pakāsemi. So anekasahassam [anekasatasahassam (ka.)] bhikkhusamgham pariharissati, seyyathāpāhametarahi anekasatam bhikkhusamgham pariharāmi.

108. “Atha kho, bhikkhave, saṅkho nāma rājā yo so yūpo raññā mahāpanādena kārāpito. Tam yūpam ussāpetvā ajjhāvasitvā tam datvā vissajjitvā samaṇabrāhmaṇakapaṇaddhikavaṇibbakayācakānam dānam datvā metteyyassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa santike kesamassum ohāretvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā agāasmā anagāriyam pabbajissati. So evam pabbajito samāno eko vūpakattho appamatto ātāpī pahitatto viharanto nacirasseva yassatthāya kulaputtā sammadeva agāasmā anagāriyam

pabbajanti, tadanuttaram brahmacariyapariyosānaṃ ditṭheva dhamme sayamaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharissati.

109. “Attadīpā, bhikkhave, viharatha attasaraṇā anaññasaraṇā, dhammadīpā dhammasaraṇā anaññasaraṇā. Kathañca, bhikkhave, bhikkhu attadīpo viharati attasaraṇo anaññasaraṇo dhammadīpo dhammasaraṇo anaññasaraṇo? Idha, bhikkhave, bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ. Vedanāsu vedanānupassī...pe... citte cittānupassī...pe... dhammesu dhammānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ. Evaṃ kho, bhikkhave, bhikkhu attadīpo viharati attasaraṇo anaññasaraṇo dhammadīpo dhammasaraṇo anaññasaraṇo.

Bhikkhunoāyuvanṇādivaḍḍhanakathā

110. “Gocare, bhikkhave, caratha sake pettike visaye. Gocare, bhikkhave, carantā sake pettike visaye āyunāpi vaḍḍhissatha, vaṇṇenapi vaḍḍhissatha, sukhenapi vaḍḍhissatha, bhogenapi vaḍḍhissatha, balenapi vaḍḍhissatha.

“Kiñca, bhikkhave, bhikkhuno āyusmiṃ? Idha, bhikkhave, bhikkhu chandasamādhīpadhānasaṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti, vīriyasamādhīpadhānasaṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti, cittasamādhīpadhānasaṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti, vīmaṃsāsamādhīpadhānasaṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti. So imesaṃ catunnaṃ iddhipādānaṃ bhāvitattā bahulīkatattā ākaṅkhamāno kappamaṃ vā tiṭṭheyya kappāvasesamaṃ vā. Idaṃ kho, bhikkhave, bhikkhuno āyusmiṃ.

“Kiñca, bhikkhave, bhikkhuno vaṇṇasmiṃ? Idha, bhikkhave, bhikkhu sīlavā hoti, pātīmokkhasaṃvarasaṃvuto viharati ācāragocarasaṃpanno, aṇumattesu vajjesu bhayadassāvī, samādāya sikkhati sikkhāpadesu. Idaṃ kho, bhikkhave, bhikkhuno vaṇṇasmiṃ.

“Kiñca, bhikkhave, bhikkhuno sukhasmiṃ? Idha, bhikkhave, bhikkhu vivicceva kāmehi vivicca akusalehi dhammehi savitakkaṃ savicāraṃ vivekajaṃ pītisukhaṃ paṭhamamaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. Vitakkavicārānaṃ vūpasamā...pe... dutiyamaṃ jhānaṃ...pe... tatiyamaṃ jhānaṃ...pe... catutthamaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. Idaṃ kho, bhikkhave, bhikkhuno, sukhasmiṃ.

“Kiñca, bhikkhave, bhikkhuno bhogasmī? Idha, bhikkhave, bhikkhu mettāsahagatena cetasā ekaṃ disamaṃ pharitvā viharati tathā dutiyamaṃ. Tathā tatiyamaṃ. Tathā catutthamaṃ. Iti uddhamadho tiriyaṃ sabbadhi sabbattatāya sabbāvantaṃ lokamaṃ mettāsahagatena cetasā vipulena mahaggatena appamaṇena averena abyāpajjena pharitvā viharati. Karuṇāsahagatena

cetasā...pe... muditāsahagatena cetasā...pe... upekkhāsahagatena cetasā ekam disaṃ pharivā viharati. Tathā dutiyaṃ. Tathā tatiyaṃ. Tathā catutthaṃ. Iti uddhamadho tiriyaṃ sabbadhi sabbattatāya sabbāvantaṃ lokaṃ upekkhāsahagatena cetasā vipulena mahaggatena appamāṇena averena abyāpajjena pharivā viharati. Idam kho, bhikkhave, bhikkhuno bhogasmim.

“Kiñca , bhikkhave, bhikkhuno balasmim? Idha, bhikkhave, bhikkhu āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayam abhiññā sacchikatvā upasampajja viharati. Idam kho, bhikkhave, bhikkhuno balasmim.

“Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekabalampi samanupassāmi yaṃ evaṃ duppasahaṃ, yathayidaṃ, bhikkhave, mārabalaṃ. Kusalānaṃ , bhikkhave, dhammānaṃ samādānāhetu evamidam puññaṃ pavaḍḍhatī’ti. Idamavoca bhagavā. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Cakkavattisuttaṃ niṭṭhitaṃ tatiyaṃ.